

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 138/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 29 – 7 – 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn T2 Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2022/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 240/2022/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thái Phước T1, sinh năm 1977. Cư trú: số A/B, khóm BĐ, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1976. Cư trú: số C/D, khóm BT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là ông Thái Phước T1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Bích T2 tự quen biết, tìm hiểu nhau được 06 năm thì tiến đến hôn nhân. Ông bà không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường BK ngày 03/3/2010. Hôn nhân lần thứ nhất của cả 2. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, ông bà ly thân từ năm 2014 đến nay, không có biện pháp hàn gắn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, giữa ông bà không hòa thuận, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy

ra tranh cãi. Theo lời con của ông nói lại thì bà T2 cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên bà T2 ngại đến Tòa án vì bà không biết chữ.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Thái Thị Thu H sinh ngày 28/8/2008 đang học lớp 8 Trường Trung học cơ sở BK. Do con chung được bà T2 trực tiếp nuôi dưỡng từ trước đến nay nên ông đồng ý để con tiếp tục sống với bà T2 và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà T2 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do hôn nhân giữa các bên không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T1. Về con chung, nhận thấy con chung đang được bà T2 nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông T1, giao cháu Thái Thị Thu H sinh ngày 28/8/2008 cho bà T2 tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà T2 không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Thái Phước T1 và bà Nguyễn Thị Bích T2 là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, theo xác nhận của Công an phường BK thể hiện, bà Nguyễn Thị Bích T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số số C/D, khóm BT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang đã đủ cơ sở để xác định bà T2 có nơi cư trú hợp pháp là địa chỉ trên và bà T2 vẫn còn ở địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà T2 tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Phước T1 và bà Nguyễn Thị Bích T2 tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường BK, cấp Giấy

Chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01 ngày 03/03/2010 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[4] Ông T1 cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, đôi bên không tìm được tiếng nói chung. Phía bà T2 được Tòa án nhiều lần triệu tập, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bà T2 vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của ông T1 và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, bà T2 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc bà không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Từ đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, ông T1 và bà T2 không còn quan tâm lẫn nhau, hôn nhân không còn tồn tại. Mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông T1 được ly hôn bà T2.

[6] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh con chung số 84/2010 được Ủy ban nhân dân phường BK cấp ngày 03/3/2010, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định ông T1 và bà T2 có 01 (một) con chung tên Thái Thị Thu H sinh ngày 28/8/2008. Xét thấy, cháu H đang được bà T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định tâm lý, đời sống của con chung, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông T1 về việc giao con cho bà T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do không có ý kiến của bà T2 về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của bà T2 về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Ông T1 phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông T1 đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai T2 số 0001206 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T2, miễn, giảm T2, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Thái Phước T1 được ly hôn bà Nguyễn Thị Bích T2.

- Về con chung: Ông T1 và bà T2 có 01 (một) con chung tên Thái Thị Thu H sinh ngày 28/8/2008. Bà T2 được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Bà T2 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông T1 phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông T1 đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001206 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T1 và bà T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- UBND phường BK;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh

